

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 10- 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Kiên

Bà Quách Thị Tình

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T; sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị T và anh T. Chị T và anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/02/2014 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng nhiều quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Anh

T không quan tâm lo lắng cho vợ, con. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Minh P, sinh ngày 12/6/2015. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Minh P và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Bùi Văn T đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và trình bày:

Về hôn nhân: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau được một thời gian hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ, chồng không hợp, vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm sống. Đến nay anh xác định tình cảm vợ, chồng không còn, nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Minh P, sinh ngày 12/6/2015. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Bùi Văn T. Giao cháu Bùi Minh P, sinh ngày 12/6/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Đây là vụ án Hôn nhân gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án, nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[2] Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự nhưng anh T không có mặt. Do đó, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh T và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án

cũng đã triệu tập hợp lệ anh T đến phiên hòa giải nhưng anh T không có mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[3] Về tố tụng: Chị T và anh T đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[4] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/02/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị T và anh T đều xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn và đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ, chồng được ly hôn. Điều đó chứng tỏ chị T, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T.

[5] Về con cái: Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Minh P, sinh ngày 12/6/2015. Chị T và anh T đều thống nhất, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, anh T không cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Xét nguyện vọng của hai bên là chính đáng nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho con. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T và anh T, giao cháu Bùi Minh P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[6] Về tài sản: Chị T và anh T không yêu cầu nên miễn xét.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Bùi Văn T.
2. Về con cái: Giao cháu Bùi Minh P, sinh ngày 12/6/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm

ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003762 ngày 29/8/2019. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị T, anh T. Chị T và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Nguyễn Thị Cúc**